TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS- ST
Ngày: 30 - 3 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Hợp và ông Nguyễn Thế Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2021/TLST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐST - DS ngày 21 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST - DS ngày 07 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST - DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Tú N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Nam P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- Bà Lê Mộng M, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- Ông Hoàng Tấn H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Tú N trình bày:

Bà Võ Tú N có cho bà Nguyễn Thị Thu H vay tổng số tiền là: 710.000.000đồng, các lần vay cụ thể như sau:

Ngày 26-10-2018 vay 30.000.000 đồng, hẹn ngày 26-11-2018 trả

Ngày 15-11-2018 vay 600.000.000đồng hẹn ngày 15-12-2018 trả

Ngày 08-10-2018 vay 160.000.000đồng hẹn ngày 18-10-2018 trả, đến ngày 18-10-2018 bà H trả 100.000.000đồng, còn nợ lại 60.000.000đồng.

Ngày 04-10-2018 vay 20.000.000đồng hẹn ngày 04-11-2018 trả.

Khi vay hai bên có viết giấy tờ, bà H ký tên. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 2%/tháng. Đến hạn, dù Nều lần yêu cầu nhưng bà H không trả tiền nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu H và anh Hoàng Tấn H phải trả 710.000.000đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà thừa nhận có vay của bà N tổng số tiền 710.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận miệng với nhau là 2%/tháng như bà N trình bày là đúng. Tuy Nên, số tiền trên bà đã trả cho bà N thông qua việc chuyển nhượng 03 thửa đất (02 thửa có sổ và 01 thửa không có sổ, giấy viết tay) cho bà Lê Mộng M (mẹ của bà N). Tổng số tiền là 1.010.000.000đồng. Trong đó bà M đưa 300.000.000đồng để lấy sổ trong ngân Hng, còn lại là khấu trừ 710.000.000đồng tiền vay của bà N. Như vậy bà trả xong số nợ trên cho bà N, việc cấn trừ nợ trên bà không có làm giấy tờ gì, bà N, bà M nói khi nào về sẽ xé giấy nợ gốc. Nhưng sau khi làm thủ tục xong bà có yêu cầu nhưng bà M, bà N không đưa giấy, cũng không xé giấy vay. Bà không có giấy tờ gì chứng minh cho việc trả nợ cho bà N. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà trả số nợ 710.000.000đồng và lãi suất bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nam P trình bày: Thống nhất với lời trình bày của vợ (bà N), số tiền bà H vay là tài sản chung của vợ chồng, ông yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông, ngoài ra ông không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Tấn H: Ông không biết việc vợ ông (bà H) vay tiền của bà N, nhưng ông có làm thủ tục để chuyển nhượng đất cho bà M để cấn trừ nợ cho bà N, nay bà N yêu cầu ông phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ ông không đồng ý vì không vay tiền của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Mộng M trình bày: Bà có nhận chuyển nhượng của bà H 03 thửa đất với số tiền 500.000.000đồng, bà đưa cho bà H hơn 300.000.000đồng trả ngân Hng để rút sổ ra, số tiền còn lại bà đưa trực tiếp cho bà H để bà H trả tiền nợ con bà là bà N. Việc bà H cho rằng bà nhận chuyển nhượng 03 thửa đất để trừ số nợ 710.000.000đồng cho bà N do bà đứng tên nhận chuyển nhượng là không đúng. Đây là quan hệ mua bán giữa bà

và bà H không liên quan gì đến việc vay mượn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 27, 35 và 39 BLTTDS; đúng tư cách tham gia tố tụng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Võ Tú N đối với bà Nguyễn Thị Thu H. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho chị Võ Tú N số tiền 1.191.924.666đồng, trong đó nợ gốc là 710.000.000đồng, lãi suất là 481.924.666đồng. không chấp nhận yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H là bị đơn trong vụ án có địa chỉ tại thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của bà N yêu cầu bà H và anh H trả 710.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Tú N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Nam P, ông Hoàng Tấn H, bà Lê Mộng M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 xét xử vắng mặt bà Võ Tú N, anh Trần Nam P, anh Hoàng Tấn H, bà Lê Mộng M là phù hợp.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của của bà Võ Tú N phải trả 710.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1]. Về nợ gốc: Bà N có cho bà H vay tổng số tiền là: 710.000.000đồng, các lần vay cụ thể như sau: Ngày 26-10-2018 vay 30.000.000 đồng, hẹn 26-11-2018 trả; ngày 15-11-2018 vay 600.000.000đồng hẹn 15-12-2018 trả; ngày 08-10-2018 vay 160.000.000đồng hẹn 18-10-2018 trả, đến ngày 18-10-2018 trả 100.000.000đồng, còn nợ lại 60.000.000đồng; ngày 04-10-2018 vay 20.000.000đồng hẹn 04-11-2018 trả. Hợp đồng vay tiền không ghi lãi suất, bà H thừa nhận có nợ bà N 710.000.000đồng, chữ ký trong giấy mượn tiền là của bà H.

Quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng số tiền 710.000.000đồng bà H vay của bà N, bà đã trả cho bà N thông qua việc chuyển nhượng 03 thửa đất (02 thửa có sổ và 01 thửa không có sổ, giấy viết tay) cho bà Lê Mộng M (mẹ của bà N). Tổng số tiền là 1.010.000.000đồng. Trong đó bà M đưa 300.000.000đồng để lấy sổ trong ngân Hng, còn lại là khấu trừ 710.000.000đồng tiền vay của bà N, như vậy bà trả xong số nợ trên cho bà N. Tuy Nên, bà H không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh việc bà đã trả được số tiền vay thông qua chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà M để trừ nợ.

Căn cứ theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án"*.

Việc vay tiền giữa bà N và bà H là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và đã phát sinh hiệu lực. Đến thời hạn trả nợ bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, là vi phạm theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của bà N. Như vậy yêu cầu khởi kiện của bà Võ Tú N về số nợ gốc là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với ý kiến của của bà H, ông H cho rằng đã trả tổng số tiền vay cho bà N là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.2]. Về lãi suất: Trong giấy vay tiền có ghi thời hạn, không ghi lãi suất nhưng các bên thừa nhận thoả thuận miệng là 2%/tháng, do vậy được xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi suất. Lãi suất mà các bên thoả thuận 2%/tháng tại thời điểm vay là vượt quá 20%/năm lãi suất theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự. Do các đương sự thỏa thuận lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá

không có hiệu lực, Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lãi suất 20%/năm để giải quyết. Cụ thể như sau:

- Ngày 26-10-2018 vay 30.000.000 đồng, hẹn 26-11-2018 trả (30.000.000đồng x 20%/năm/12 x 03 năm 05 tháng 13 ngày) = 20.748.000đồng.

- Ngày 15-11-2018 vay 600.000.000đồng hẹn 15-12-2018 trả (600.000.000đồng x20%/năm/12 x 03 năm 4 tháng 16 ngày) = 405.360.000đồng

- Ngày 08-10-2018 vay 160.000.000đồng hẹn 18-10-2018 trả, đến ngày 18-10-2018 trả 100.000.000đồng, còn nợ lại 60.000.000đồng (60.000.000đồng x 20%/năm/12 x 03 năm 05 tháng 23 ngày) = 41.826.000đồng

- Ngày 04-10-2018 vay 20.000.000đồng hẹn 04-11-2018 trả (20.000.000đồng x 20%/tháng/12 x 03 năm 05 tháng 27 ngày = 13.990.666đồng

Như vậy, bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho Võ Tú N 1.191.924.666đồng, trong đó nợ gốc là 710.000.000đồng, lãi suất là 481.924.666đồng.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Tú N buộc ông Hoàng Tấn H phải cùng có nghĩa vụ trả số nợ gốc 710.000.000đồng và lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy trong giấy vay tiền thể hiện bà Nguyễn Thị Thu H ký xác nhận người vay. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H xác định tại thời điểm bà H vay tiền thì ông không biết, không tham gia, không ký giấy vay tiền. Nguyên đơn cũng không chứng minh được việc bà H vay tiền là để sử dụng cho mục đích sinh hoạt chung trong gia đình nên không có căn cứ buộc ông H phải có nghĩa vụ liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng bà H.

[5]. Ông Trần Nam P là chồng của bà N cho rằng tiền cho bà H vay là tiền chung của hai vợ chồng, bà H cũng phải có nghĩa vụ trả cho ông, bà N cũng thừa nhận đây là tài sản chung của gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà H phải trả nợ cho bà N, ông P là phù hợp.

[6]. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thu H phải bàu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Tú N đối với bà Nguyễn Thị Thu H.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Võ Tú N và ông Trần Nam P 1.191.924.666đồng, trong đó nợ gốc là 710.000.000đồng, lãi suất là 481.924.666đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi Hnh án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho bà N, ông P theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 48.057.792 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Tú N được nhận lại 16.200.000đồng tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004612 ngày 02-12-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự, thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh